

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH THANH HÓA**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):** Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

**Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo thủy triều.

**Lưu vực sông Yên:** Mức nước dao động theo thủy triều.

**2. Dự báo, cảnh báo:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi):** Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

**Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo thủy triều. Mức nước lớn nhất xuất hiện vào chiều nay, mức nước nhỏ nhất xuất hiện vào gần sáng ngày mai.

**Lưu vực sông Yên:** Mức nước dao động theo thủy triều. Mức nước nhỏ nhất xuất hiện vào trưa nay, mức nước lớn nhất xuất hiện vào tối nay.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong 24 giờ tới: Chưa có dấu hiệu xuất hiện.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có tác động.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo 11h25 ngày 14/8/2026**

**Tin phát lúc: 11h25 ngày 13/8/2026**

**Dự báo viên**



**Lê Văn Thắng**

## Phụ lục

### Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông không ảnh hưởng triều  
Đơn vị: cm

| Sông | Trạm        | Thực đo | Dự báo   |          |         |         |
|------|-------------|---------|----------|----------|---------|---------|
|      |             | 7h/13/8 | 13h/13/8 | 19h/13/8 | 1h/14/8 | 7h/14/8 |
| Mã   | Mường Lát   | 16712   | 16698    | 16680    | 16700   | 16672   |
| Mã   | Hồi Xuân    | 5577    | 5566     | 5547     | 5525    | 5500    |
| Mã   | Cầm Thủy    | 1360    | 1345     | 1365     | 1340    | 1315    |
| Mã   | Lý Nhân     | 395     | 400      | 390      | 370     | 350     |
| Bưởi | Thạch Quảng | 723     | 716      | 704      | 695     | 585     |
| Bưởi | Kim Tân     | 416     | 406      | 395      | 384     | 375     |
| Âm   | Lang Chánh  | 4698    | 4697     | 4696     | 4695    | 4698    |
| Chu  | Cửa Đạt     | 2742    | 2740     | 2730     | 2735    | 2740    |
| Chu  | Bái Thượng  | 1064    | 1045     | 1080     | 1065    | 1075    |
| Chu  | Xuân Khánh  | 119     | 125      | 167      | 145     | 136     |

Bảng 2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm       | Thực đo         |                 | Dự báo          |                 |
|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|      |            | Hmax<br>(t-24h) | Hmin<br>(t-24h) | Hmax<br>(t+24h) | Hmin<br>(t+24h) |
| Mã   | Giàng (**) | 195             | -35             | 185             | -50             |
| Mã   | Quảng Châu | 179             | -118            | 173             | -105            |
| Lèn  | Lèn        | 248             | 18              | 230             | 0               |
| Lèn  | Cụ Thôn    | 233             | -4              | 220             | -15             |
| Yên  | Chuối      | 112             | -16             | 100             | -25             |
| Yên  | Ngọc Trà   | 127             | -97             | 117             | -85             |

Ghi chú: Trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm:

